

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 20/2023/TCDS- ST
Ngày 14-12-2023
V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Xuân Vũ
- Ông Nguyễn Ngọc Minh

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST- DS ngày 16-11-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST- DS ngày 29-11-2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Triệu Đức T, sinh năm 1972- Có mặt

Địa chỉ: Thôn 02 T, xã P, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Vi Văn N, sinh năm 1981- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 01 T1, xã P, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-10-2023 và các lời khai tiếp theo anh Triệu Đức T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, anh Vi Văn N, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 01 T1, xã P, huyện L, tỉnh Y. Ngày 01 tháng 4 năm 2022 anh Vi Văn N có đến nhà anh T hỏi vay số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả tháng 12 năm 2022. Quá thời hạn anh N không trả tiền mặc dù nhiều lần anh T yêu cầu trả nợ. Nay anh T đề nghị Tòa án buộc anh N phải trả anh T số tiền gốc đã vay 210.000.000 đồng và lãi suất của 19 tháng là 39.900.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi 249.900.000 đồng

Bị đơn anh Vi Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 xử: Buộc anh Vi Văn N phải trả cho anh T số tiền 249.900.000 đồng; anh N phải chịu án phí sơ thẩm dân sự 12.495.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

[3] *Yêu cầu số tiền vay:* Ngày 01-4-2022 anh Triệu Đức T và anh Vi Văn N có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả tháng 12-2022. Đến nay anh N chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho anh T là đúng thực tế.

Đây là giao dịch dân sự được xác lập sau ngày 01-01-2017 đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự số 91/2015 do đó cần áp dụng các quy định này để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập và tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Vi Văn N đều vắng mặt không có lý do, mặc dù biết việc anh T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu anh N phải trả anh T số tiền 210.000.000 đồng, nhưng anh N không có ý kiến gì. Lời khai của đương sự và giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, lãi suất 1%/tháng. Nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện anh N phải trả số tiền 210.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản...*” đồng thời khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Trong vụ án này mặc dù quá hạn anh T đã nhiều lần yêu cầu, nhưng anh N vẫn không thanh toán số tiền trên

là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh T đối với số tiền anh N vay 210.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận, cần buộc anh N phải trả cho anh T số tiền đã vay.

[4] Về lãi xuất: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh T yêu cầu anh N phải trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay 1%/tháng, tổng cộng 19 tháng với số tiền lãi 39.900.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Trường hợp các bên thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.....*”. Như vậy thỏa thuận trong hợp đồng vay 1%/tháng = 12%/năm vẫn nằm trong giới hạn lãi suất cơ bản được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó anh T yêu cầu anh N phải trả lãi 39.900.000 đồng có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên anh T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 249.900.000 đồng x 5% = 12.495.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Vi Văn N phải có nghĩa vụ trả cho anh Triệu Đức T số tiền 249.900.000 đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2- Về án phí:

- Anh Triệu Đức T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh T được hoàn lại 6.352.000 đồng (sáu triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2022/0001122 ngày 20-10-2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên.

- Anh Vi Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.495.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

3- *Quyền kháng cáo:* Anh Triệu Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vi Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA, KT

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh